

DỊCH VỤ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC XUYÊN BIÊN GIỚI VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐẾN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

• GS.TSKH. VŨ NGỌC HẢI

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Toàn cầu hoá giáo dục đại học (GDĐH) là đặc điểm nổi bật của tiến trình phát triển GDĐH thế kỷ 21 trên toàn thế giới. Tất cả các nền đại học không phân biệt là nền đại học của nước phát triển, đang phát triển hay chậm phát triển đều nằm trong xu thế quốc tế hoá và toàn cầu hoá. Sở dĩ có hiện tượng như vậy là do dịch vụ GDĐH đang ngày càng lan mạnh và gia tăng theo chiều hướng thu hút của các nước giàu đối với nước nghèo, của các nước phát triển đối với các nước đang và chậm phát triển. Trước bối cảnh này cần xây dựng nền dịch vụ GDĐH Việt Nam bản lĩnh, truyền thống chủ động hội nhập với khu vực và thế giới.

1. Bối cảnh hình thành dịch vụ GDĐH

Có nhiều yếu tố dẫn đến hình thành nền dịch vụ GDĐH, dưới đây là một số yếu tố:

1.1 Sự phát triển khoa học - công nghệ thông tin và viễn thông

Cuối thế kỷ 20 GDĐH đã bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên đưa công nghệ thông tin và viễn thông vào phục vụ GDĐH. Những thành tựu to lớn của lĩnh vực này đã làm cho GDĐH có những thay đổi lớn lao, đã và đang biến cải nền đại học kiểu cũ sang nền đại học kiểu mới với nội dung, chương trình, người dạy và người học ở khắp mọi nơi, mọi lúc "luôn lang thang trên mạng", học hỏi, tìm tòi, nghiên cứu và sáng tạo. Giáo dục từ xa, các đại học ảo đang có cơ hội gia tăng nhanh cả trong nước lẫn ngoài nước. Công nghệ thông tin đã trở thành công cụ chủ lực của GDĐH để thực hiện học thuật trên phạm vi toàn cầu và nó cũng là cầu nối nhanh chóng hữu hiệu trong việc liên kết thông thương, phổ biến, trao đổi mọi thành quả có được giữa nhà trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ sở sản xuất và các tập đoàn doanh nghiệp trên toàn thế giới. Nhiều trường đại học và các nhà cung cấp dịch vụ GDĐH ở các nước phát triển đã sử dụng công nghệ thông tin và viễn thông để đưa ra những chương trình học toàn cầu đến những nước đang và chậm phát triển. Những chương trình của các nhà cung ứng này đã nhìn nhận thế giới và khai thác như một thị trường GDĐH quốc tế "béo bở" để thu lợi nhuận. Các nhà cung cấp này là

những trường đại học danh tiếng và không danh tiếng, là các công ty giáo dục vì lợi nhuận như công ty giáo dục Laureate và các công ty khác; là các tập đoàn doanh nghiệp như Microsoft, Motorola và một số tập đoàn đa quốc gia khác. Những chương trình đưa ra thông qua internet đến với người học và đều có thể được nhận văn bằng, chứng chỉ. Ngày nay các dịch vụ internet, các thư điện tử và nhiều trang web (website)... giúp cho người học và người dạy đến với nhiều kho dữ liệu điện tử, thư viện điện tử, tạp chí điện tử, sách điện tử và nhiều sản phẩm tri thức khác. Cuộc cách mạng thông tin hiện nay đã và đang mang lại một cơ hội mới cho GDĐH trên thế giới trong giao tiếp, nghiên cứu trao đổi, giảng dạy, học tập, truyền bá, phổ biến nhanh chóng mọi kết quả, thành tựu, kinh nghiệm về mọi mặt giữa người dạy với người học, giữa các nhà khoa học, các học giả với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội trên toàn thế giới.

1.2 Hình thành thị trường "chất xám" trong tay các nước phát triển

Trong nhiều năm nay trên thế giới đã và đang tồn tại dòng chảy chất xám từ các nước chậm và đang phát triển sang các nước phát triển, từ các nước phía nam bán cầu đến phía bắc bán cầu. Trong những giai đoạn lịch sử nhất định, chất xám cũng chảy từ các nước phát triển có điều kiện sống và làm việc vất vả đến những nước có điều kiện làm việc và sinh sống tốt hơn. Theo số liệu gần đây (xem Người giám định 16-10-2000, tr.12, 14), Phương Tây thiếu trăm triệu nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn: Mĩ năm 2000 "nhập khẩu" 500.000 người, Đức là 200.000 người, Vương Quốc Anh là 50.000 người. Riêng năm 2000 các nước có tiềm lực về phát triển công nghệ thông tin đã thu hút 850.000 nhà chuyên môn. Trong năm 2002, các trường đại học ở Mĩ tiếp nhận hầu hết 85.000 học giả đến thỉnh giảng và trên toàn thế giới số học giả này đã lên tới 250.000 người. Trong những năm sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, thế giới cũng đã chứng kiến một dòng chảy không ít các nhà khoa học các nước này (nhất là Nga) đến

Mĩ và các nước Tây Âu làm việc. Ngoài ra một hiện tượng khác cũng cần ghi nhận đó là từ những năm cuối thế kỉ 20 đến nay số lượng người đi du học từ các nước chậm và đang phát triển tới các nước có nền công nghiệp cao đang phát triển ngày một gia tăng. Tại thời điểm hiện nay có hơn 1.500.000 sinh viên lưu học ở nước ngoài và con số này theo dự báo đến năm 2020 sẽ là 8.000.000. Số lớn học xong họ ở lại nước sở tại để theo đuổi sự nghiệp. Số tiền bỏ ra của nhiều quốc gia dành cho việc cử người đi du học thực tế còn lớn hơn cả những khoản viện trợ mà các nước này có thể nhận được. Chảy máu chất xám ngày càng có nguy cơ gia tăng và làm kiệt quệ nhân tài từ các nước đang và chậm phát triển. Trong các trường đại học của Mỹ thuộc những ngành khoa học kĩ thuật cao và máy tính tỉ lệ các giáo sư không phải người Mỹ là rất cao; số nghiên cứu sinh làm tiến sĩ ở những lĩnh vực này là người đến từ các nước ngoài Mỹ cũng chiếm tới gần một nửa. Tại Ethiopia (theo Outward and Bound 2002, 24), số người có bằng tiến sĩ làm việc ở nước ngoài nhiều hơn so với trong nước. Nam Phi đang mất những người tài năng nhất vào tay các nước phương bắc. Ghana và Sierra có tới 30% những người có trình độ cao sống và làm việc ở nước ngoài. Một vài năm trở lại đây, Hồng Kông, Singapore cũng đang có những chính sách thu hút được nhiều nhà khoa học trong khu vực và thế giới thông qua ưu đãi về lương bổng và điều kiện làm việc. Một bức tranh ngược lại, hiện nay cũng thấy ở một vài nước chậm, đang và mới phát triển chẳng hạn như Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Nam Phi... bằng những chính sách ưu đãi riêng biệt của mình với các nhà khoa học là công dân của họ, những nước này đang ngày có nhiều người trở về quê hương tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học hoặc làm tư vấn, hợp tác mọi lĩnh vực trong phát triển kinh tế-xã hội.

1.3 Tiếng Anh – Công cụ hữu hiệu của GDDH xuyên biên giới

Trong xu thế toàn cầu hoá, từ cuối thế kỉ 20 đến nay tiếng Anh thực sự đã lên ngôi. Hiện tượng này mang tính phổ quát trên toàn thế giới. Những ai, những cộng đồng nào, quốc gia nào muốn phát triển nhanh, muốn mở rộng quan hệ quốc tế, muốn mở cửa, muốn tiếp nhận thành tựu về mọi mặt của nhân loại, không thể không biết tiếng Anh, không thể không có chiến lược học ngôn ngữ này một cách cẩn trọng. Tiếng Anh trên thực tế đang đi vào đời sống của các quốc gia trên toàn thế giới. Tiếng Anh ngày nay được sử dụng rộng rãi bao gồm từ khoa học

công nghệ thông tin dưới mọi hình thức, các giao tiếp khoa học, các giao tiếp chuyên môn, nghiệp vụ nghề nghiệp, ngoại giao... Nhiều quốc gia đã coi tiếng Anh là thứ tiếng quan trọng sau tiếng mẹ đẻ và đã đưa vào giảng dạy chính khoá từ giáo dục tiểu học. Singapore đã lấy tiếng Anh là quốc ngữ của quốc gia mình. Tiếng Anh là thứ tiếng mà ngày nay mọi nước trên thế giới đều học và sử dụng. Tiếng Anh trên thực tế đã trở thành ngôn ngữ quốc tế. Trong GDDH, ngay tại những nước không nói tiếng Anh, nhiều trường cũng đã dùng tiếng Anh bên cạnh tiếng mẹ đẻ để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Người ta xuất bản các ấn phẩm bằng tiếng Anh, từ các tạp chí khoa học, sách giáo khoa, sách tham khảo, chuyên khảo và nhiều công trình nghiên cứu khoa học, kĩ thuật, công nghệ, các website khoa học, các trang web giới thiệu trường trên internet... đến các hội nghị, hội thảo khoa học, các diễn đàn quốc tế nhất nhất tiếng Anh đều được sử dụng. Có thể nói ngày nay tiếng Anh đã trở thành thứ tiếng thông dụng trong GDDH trên toàn thế giới. Tiếng Anh đã trở thành “cơm ăn, nước uống” của những người làm khoa học và đôi ngũ giảng viên hầu hết các trường đại học trên thế giới. Tại những nước nói tiếng Anh như Mỹ, Anh, Canada, Australia, New Zealand, Singapore và cả một số không ít các nước không nói tiếng Anh như Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc... ngày nay cũng đang mở nhiều trường lớp, ngành nghề dạy bằng tiếng Anh ở nước mình cũng như nước sở tại để thu hút sinh viên nhiều nước trong khu vực và trên thế giới đến học tập và nghiên cứu. Tiếng Anh đã trở thành thứ ngôn ngữ chính và thông dụng của dịch vụ GDDH. Tại Việt Nam, bước vào những năm đổi mới với chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước. Việt Nam quan hệ rộng mở và làm bạn với tất cả các nước trên thế giới. Tiếng Anh trong những năm gần đây cũng đã thực sự là ngoại ngữ số một được xã hội quan tâm sau tiếng mẹ đẻ. Trên địa bàn cả nước, đặc biệt tại các thành phố lớn sự ra đời hàng loạt các trung tâm ngoại ngữ dạy tiếng Anh là một ví dụ. Mặt khác trong tiêu chuẩn hoá cán bộ, trong tiếp nhận người lao động, nhiều cơ quan, công sở, doanh nghiệp cũng đã lấy sự thành thạo ngoại ngữ này là một trong những tiêu chuẩn không thể thiếu được. Một số trường đại học lớn ở nước ta cũng đã liên kết với các trường bạn để mở những lớp, những khoá mà người theo học đều nghe giảng và học bằng tiếng Anh trọn vẹn từ lúc vào học cho tới lúc ra trường. Tuy nhiên so với nhiều nước thì số thầy giáo, cô giáo, các nhà

khoa học, các cán bộ quản lý giáo dục và sinh viên các trường đại học ở nước ta có thể sử dụng tiếng Anh thông thạo trong công việc của mình là còn quá ít. Đây rõ ràng là một trong những thách thức, trở ngại lớn hiện nay trong tiến trình hội nhập quốc tế của các trường đại học Việt Nam.

2. Dịch vụ GDDH xuyên biên giới

Sự xuất hiện thị trường dịch vụ GDDH những năm gần đây trong xu thế toàn cầu hoá ngày càng có chiều hướng gia tăng. Nhiều chương trình đại học xuyên biên giới từ các trường đại học thuộc các nước phát triển thông qua mạng internet và các phương tiện giáo dục từ xa khác đang "lang thang" trên mạng để đến với người học ở các nước chậm và đang phát triển. Nhiều tập đoàn kinh tế, các công ty, tổ chức vì lợi nhuận đã đầu tư vào dịch vụ GDDH hoàn toàn không ít hơn so với đầu tư cho các đại học theo kiểu truyền thống. Dựa vào bốn phương thức thuộc dịch vụ giáo dục thương mại trong khuôn khổ của GATS thuộc các quốc gia thành viên của tổ chức WTO, trên thế giới đã xuất hiện nhiều tổ chức, công ty xuyên quốc gia hoạt động giáo dục theo hình thức liên kết, liên doanh, nhượng quyền, uỷ quyền; lập các chi nhánh, đại lý hoặc các cơ sở GDDH với 100% vốn của mình ở các nước chậm và đang phát triển. Có nhiều hình thức xuất khẩu dịch vụ GDDH hiện nay đang lưu hành ở nước ta, trong khu vực và trên thế giới:

- Xuất khẩu ngành, nghề trong GDDH (ví dụ chương trình Quản trị kinh doanh MBA của Mỹ có mặt ở nhiều nơi trên thế giới).

- Xuất khẩu chương trình, sách giáo khoa và các tài liệu học tập

- Hai bên liên kết đào tạo và cùng cấp bằng cho người học

- Một số trường đại học nước ngoài đã và đang xây dựng các chi nhánh của mình khắp nơi trên thế giới. Ví dụ Đại học Chicago Mỹ mở ở châu Âu để thu hút sinh viên khối EU; Đại học RMIT của Australia đang có chi nhánh tại nước ta và nhiều trường đại học ở các nước phát triển khác đang có các chi nhánh ở nhiều nước đang và chậm phát triển.

- Đào tạo đại học từ xa đến nay không còn được coi là loại hình đào tạo lạ lẫm. Nhiều nước như Anh, Mỹ, Australia và nhiều nước khác cả chục năm qua đã sử dụng rất có hiệu quả việc đào tạo từ xa để chuyển tải nhiều chương trình đại học của mình đến nhiều quốc gia trên thế giới. Hiện trên thế giới có 10 trường đào tạo từ xa lớn thì 7 trường nằm trong các nước phát triển.

- Nhượng quyền thương hiệu: nhiều trường nước ngoài cho mượn tên, cung cấp chương trình và tham gia điều hành. Ngoài ra có thể có nhiều hình thức khác nữa.

GDDH hiện nay ở bất cứ quốc gia nào cũng không thể đứng khung trong phạm vi nước mình. GDDH trên thực tế đang là một trong những lĩnh vực đi đầu và phát triển mạnh trong hội nhập khu vực và quốc tế trong xu thế toàn cầu hoá. Các nước phát triển với lợi thế kinh tế tăng trưởng mạnh đã tạo dựng nhiều trường đại học tiên tiến, hiện đại với cách dạy, cách học linh hoạt, mềm dẻo, chất lượng tốt và đặc biệt là luôn gắn với tiến trình phát triển kinh tế-xã hội và thị trường lao động. Yếu tố này đã gây sự hấp dẫn lớn và thu hút được sinh viên nhiều quốc gia trên thế giới theo học. Mặt khác, hầu hết các quốc gia trên thế giới ngày hôm nay cũng đang hoàn thiện lại hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó có GDDH nước mình để có thể liên thông không những chỉ trong bản thân hệ thống mà còn với mục đích liên thông được với hệ thống giáo dục trong khu vực và nhiều nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Các trường đại học đang tự tạo ra các cơ hội để có thể liên thông được với các cơ sở đại học đã sẵn có thương hiệu trên thế giới. Trong tình hình cụ thể GDDH ở nước ta hiện nay, những người theo học đại học cũng đang đặt niềm tin và hướng tới nhiều cơ sở GDDH ngoài nước với hy vọng các cơ sở này chính là nơi có thể đáp ứng được nguyện vọng đa dạng của người học và nhất là học xong sẽ có được việc làm, được tăng thu nhập, để làm giàu, để thành người giỏi, người tài trong các lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu, quản lý, kinh doanh nhiều lĩnh vực khác.

3. Sự tiếp nhận dịch vụ GDDH xuyên biên giới ở nước ta

Trước hết người viết bài này thấy cần phải khẳng định GDDH xuyên biên giới là xu thế tất yếu, nó như dòng nước chảy từ chỗ cao đến chỗ thấp. Biết được quy luật này để chủ động tiếp nhận và sử dụng sao có lợi nhất theo cách của mình. Hiện nay ở nước ta cung - cầu trong GDDH là mất cân đối trầm trọng. Nước ta sau 20 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, nền kinh tế thực sự đã khởi sắc, có nhiều thành tựu với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây được xếp vào những nước đứng đầu Đông Nam Á. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn là nước thuộc diện chậm và đang phát triển, vẫn là nước đi sau và vẫn là nước có nền GDDH có nhiều bất cập cả về quy mô lẫn chất lượng. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến năm 2006 ở nước ta có 148 trường đại học với

1.087.813 sinh viên; 163 trường cao đẳng với 299.294 sinh viên; 284 trường trung cấp chuyên nghiệp với 500.252 học sinh; 262 trường dạy nghề với 228.600 học sinh và 599 trung tâm dạy nghề. Ngoài ra chưa tính đến hệ thống giáo dục thường xuyên trong những năm gần đây phát triển nhanh và mạnh. Như vậy nhu cầu người được học và đi học ngày càng nhiều. Song trên thực tế số lượng những người được học đại học ở nước ta thực sự còn nhỏ bé. Số lượng sinh viên trên 10.000 dân hiện nay ở nước ta mới chỉ đạt 165; đến năm 2010 số lượng này cũng chỉ mới đạt tới 200. áp lực vào các trường đại học ngày càng trở thành vấn đề gay gắt. Giải toả áp lực này đòi hỏi phải phát triển dịch vụ giáo dục, đặc biệt là dịch vụ GDĐH, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục người lớn. Mặt khác do chất lượng đào tạo đại học còn có những hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tất cả những điều này dẫn đến nền GDĐH Việt Nam chưa cung ứng được cho nhu cầu người học và nhu cầu của xã hội. Do vậy rõ ràng Việt Nam đang là một thị trường dịch vụ GDĐH béo bở để các tổ chức đại học ngoài nước vào khai thác. Trong những năm gần đây, nhiều trường đại học ở nước ta thực sự cũng đã chủ động mở rộng quan hệ đa phương với nhiều trường đại học trong khu vực và thế giới. Cũng đã xuất hiện nhiều kiểu liên kết trong đào tạo và nghiên cứu với các cơ sở GDĐH trên thế giới, song đều ở những quy mô nhỏ bé, thậm chí rời rạc, cục bộ, hoàn toàn chưa tương xứng với tầm phát triển của GDĐH nước ta hiện nay. Có thể nói GDĐH Việt Nam chưa có chiến lược chủ động bền vững hội nhập với khu vực và thế giới. Để khắc phục những bất cập và chủ động tiếp nhận dịch vụ GDĐH xuyên biên giới, trong những năm sắp đến cần nghiên cứu thực hiện một số việc như sau:

- Chính thức xác định và thừa nhận ở Việt Nam đang hình thành thị trường dịch vụ GDĐH và thị trường này đang có chiều hướng phát triển mạnh. Thừa nhận để chủ động có những chính sách, giải pháp ứng xử hợp lí trên nguyên tắc đảm bảo chủ quyền cho các trường đại học Việt Nam và lợi ích của người học.

- Cần phân loại rõ các tổ chức dịch vụ GDĐH có lợi nhuận và phi lợi nhuận và có chính sách đối xử phù hợp.

- Nghiên cứu và cung cấp thông tin kịp thời đến người học về các cơ sở GDĐH ngoài nước đến liên kết hoặc quảng cáo thu hút các công dân Việt Nam đến học tại các cơ sở này dưới mọi hình thức và phương thức học tập, để tránh nhận phải những bằng cấp "rỗng". Tại Mỹ trong 3200 cơ

sở đào tạo đại học chỉ có khoảng 100 cơ sở là các đại học nghiên cứu. Các nước phát triển khác cũng có những bức tranh tương tự. Nhìn chung GDĐH ở tất cả các nước hiện nay đều có sự phân tầng rõ rệt về chất lượng. Cần nghiên cứu để không có sự nhầm lẫn hoặc ngộ nhận.

- Làm mới nội dung, chương trình nhiều môn học, ngành học trong các trường đại học ở nước ta để đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội, sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và phù hợp với nguyện vọng người học và nhất là phù hợp với thị trường lao động trong nước, khu vực và trên thế giới. Nghiên cứu một số ngành học như công nghệ thông tin, quản trị kinh doanh, công nghệ sinh học và có thể một số ngành, lĩnh vực khác mà hiện nay nhiều trung tâm đại học nổi tiếng trên thế giới đang giữ vị trí "thống trị" để cập nhật và nhập khẩu.

Dịch vụ GDĐH xuyên biên giới trong xu thế toàn cầu hoá là hiện tượng không thể tránh. Bản thân tiến trình phát triển GDĐH của bất cứ quốc gia nào bao giờ cũng mang trong mình ẩn chứa đặc thù quốc tế hoá. Ngày nay nước ta đã là thành viên chính thức của WTO, dịch vụ GDĐH xuyên biên giới càng có điều kiện phát triển. Do vậy GDĐH Việt Nam cần chủ động tranh thủ cơ hội này để vượt lên chính mình, hiện đại hoá mình và sớm vươn ra khu vực và thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo. *Quan điểm phát triển giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường và việc vận dụng vào hoàn cảnh Việt Nam*. Thông tin khoa học Giáo dục, số 107 năm 2004.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Đề án đổi mới GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020*, Hà Nội tháng 11 năm 2005.
3. Vũ Ngọc Hải. *Dịch vụ giáo dục*. Tạp chí Phát triển Giáo dục, số 11(71) năm 2004.
4. Philip G. Altbach, *Tradition and Transition: The International Imperative in Higher Education*, Centre for International Higher Education, Lunch School of Education, Boston College, January 2007
5. J.R. Thelin, J.R. Edwards, e. Moyen, *Higher Education in The United States*, E.O.E., 2003.

SUMMARY

The article highlights the context of creating higher education services and analyzes the existing cross-border higher education services on which basis to suggest some problems to be studied to receive cross-border higher education services in our country.